

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /20.../NQ-HĐND

Bình Phước, ngày tháng năm 20...

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
(gửi góp ý)**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT
Quy định mức chi để thực hiện các chế độ đối với huấn luyện viên,
vận động viên thể thao trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC
KHÓA ..., KỲ HỌP THỨ ...**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thể dục thể thao ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thể dục thể thao ngày 14 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 152/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trong thời gian tập trung tập huấn và thi đấu;

Căn cứ Thông tư số 86/2020/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao;

Xét Tờ trình số ... /TTr-UBND ngày ... tháng ... năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số ... /BC-HĐND-VHXH ngày ... tháng ... năm 2021 của Ban văn hóa - xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định mức chi để thực hiện các chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Bãi bỏ Điều 3, Điều 4 Nghị quyết số 15/2019/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước quy định về nội dung, mức chi để thực hiện chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao và chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước Khóa..., Kỳ họp thứ... thông qua ngày....tháng....năm.....và có hiệu lực từ ngày... tháng... năm..../.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- VPQH, VPCP, Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp (Cục KTVB), Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- TTTU, TTHĐND, Đoàn ĐBQH, UBND, BTTUBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm CNTT;
- LĐVP, Phòng Tổng hợp;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT DỰ THẢO QUY ĐỊNH
Mức chi để thực hiện các chế độ đối với huấn luyện viên,
vận động viên thể thao trên địa bàn tỉnh Bình Phước
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số.../2021/NQ-HĐND ngày...tháng...năm 2021
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này Quy định mức chi để thực hiện các chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển tỉnh, đội tuyển trẻ tỉnh, đội tuyển năng khiếu tỉnh.

2. Huấn luyện viên, vận động viên các đội tuyển, đội trẻ cấp huyện, thị xã, thành phố (gọi chung là cấp huyện).

Chương II
NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Tiền lương, tiền hỗ trợ tập huấn, thi đấu

1. Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2 Quy định này được hưởng tiền lương, tiền hỗ trợ tập huấn và thi đấu theo Nghị định số 152/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trong thời gian tập trung, tập huấn và thi đấu.

2. Đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 2 Quy định này được hưởng hỗ trợ tập huấn và thi đấu như sau:

DVT: đồng/người/ngày

STT	Đối tượng	Mức tiền hỗ trợ
1	Huấn luyện viên đội tuyển cấp huyện	170.000
2	Huấn luyện viên đội trẻ cấp huyện, vận động viên đội tuyển cấp huyện	145.000
3	Vận động viên đội tuyển trẻ cấp huyện	60.000

Điều 4. Chế độ dinh dưỡng

1. Nội dung, mức chi để thực hiện chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên trong thời gian tập trung tập luyện thường xuyên, tập huấn và thi đấu:

a) Tập trung tập luyện thường xuyên, tập huấn và thi đấu trong nước: là số ngày huấn luyện viên, vận động viên có mặt thực tế theo quyết định của cấp có thẩm quyền, mức chi cụ thể như sau:

DVT: đồng/người/ngày

STT	Đối tượng	Mức tiền ăn tập luyện thường xuyên	Mức tiền ăn tập huấn	Mức tiền ăn thi đấu
1	Huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển tỉnh	200.000	240.000	320.000
2	Huấn luyện viên, vận động viên đội trẻ tỉnh	175.000	200.000	240.000
3	Huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển năng khiếu tỉnh	150.000	180.000	200.000
4	Huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển cấp huyện	-	180.000	200.000
5	Huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển trẻ cấp huyện	-	160.000	180.000

b) Tập huấn, thi đấu ở nước ngoài: Huấn luyện viên, vận động viên khi tập huấn, thi đấu ở nước ngoài được hưởng chế độ tiền ăn hằng ngày theo thư mời hoặc hợp đồng ký kết giữa cơ quan quản lý vận động viên ở trong nước với cơ sở đào tạo ở nước ngoài hoặc theo quy định của Điều lệ giải (trong thời gian hưởng chế độ này, huấn luyện viên, vận động viên không được hưởng chế độ dinh dưỡng quy định tại điểm a, khoản 1 Điều này).

2. Huấn luyện viên, vận động viên có khả năng giành huy chương tại Đại hội Thể dục thể thao toàn quốc được hưởng chế độ dinh dưỡng đặc biệt trong thời gian tập huấn và tham dự giải dự là: 350.000 đồng/người/ngày, thực hiện tối đa 90 ngày. Trong thời gian hưởng chế độ này, huấn luyện viên, vận động viên không được hưởng chế độ dinh dưỡng quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

3. Chế độ thuốc bổ tăng lực và thực phẩm chức năng: Căn cứ vào khả năng dự toán chi sự nghiệp hằng năm và tính đặc thù của từng môn thể thao, từng giai đoạn huấn luyện, thủ trưởng đơn vị quản lý, sử dụng vận động viên quyết định mức chi chế độ thuốc bổ tăng lực và thực phẩm chức năng để đáp ứng với yêu cầu tập luyện và thi đấu, mức chi tối đa không quá 80.000 đồng/người/ngày.

Điều 5. Một số chế độ đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao tỉnh Bình Phước

1. Tiền hỗ trợ vận động viên đạt đẳng cấp:

Vận động viên đạt thành tích tại các giải thể thao được phong đẳng cấp theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền thì được hưởng mức tiền hỗ trợ trong thời gian tối đa 12 tháng tính từ tháng 01 năm sau với điều kiện tại thời điểm hưởng chế độ vận động viên vẫn đang hợp đồng tập luyện và thi đấu cho Bình Phước, cụ thể như sau:

DVT: đồng/người/tháng

STT	Đối tượng	Mức tiền hỗ trợ
1	Vận động viên Kịch tướng (đạt huy chương)	1.500.000
2	Vận động viên Kịch tướng (không đạt huy chương)	1.200.000
3	Vận động viên Cấp I (đạt huy chương)	1.000.000
4	Vận động viên Cấp I (không đạt huy chương)	800.000

2. Tiền hỗ trợ huấn luyện viên, vận động viên trong thời gian tập trung đội tuyển quốc gia:

Huấn luyện viên, vận động viên trong thời gian tập trung tập huấn và thi đấu cho đội tuyển quốc gia theo quyết định triệu tập của cấp có thẩm quyền, được hưởng mức tiền hỗ trợ theo ngày thực tế tập trung tập huấn và thi đấu như sau:

DVT: đồng/người/ngày

STT	Đối tượng	Mức tiền hỗ trợ
1	Huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển tỉnh	180.000
2	Huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển trẻ tỉnh	120.000

3. Tiền lương đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao tài năng và Câu lạc bộ Bóng đá tỉnh Bình Phước:

a) Huấn luyện viên, vận động viên đạt huy chương tại Đại hội Thể thao Đông Nam Á, Đại hội Thể thao Châu Á, Đại hội Thể thao thế giới được hưởng chế độ tiền lương tối đa 25.000.000 đồng/người/tháng.

b) Huấn luyện viên, vận động viên đạt huy chương tại Đại hội Thể dục Thể thao toàn quốc, Giải Vô địch quốc gia từng môn được hưởng chế độ tiền lương tối đa 20.000.000 đồng/người/tháng.

c) Huấn luyện viên, vận động viên Câu lạc bộ Bóng đá tỉnh Bình Phước được hưởng chế độ tiền lương như sau:

ĐVT: đồng/người/tháng

STT	Đối tượng	Mức tiền lương/tháng
1	Giám đốc kỹ thuật, huấn luyện viên trưởng	Tối đa 25.000.000
2	Trợ lý huấn luyện viên	Tối đa 20.000.000
3	Vận động viên hạng A	Tối đa 20.000.000
4	Vận động viên hạng B	Tối đa 16.000.000
5	Vận động viên hạng C	Tối đa 12.000.000

4. Đơn vị quản lý, sử dụng huấn luyện viên, vận động viên quyết định số lượng huấn luyện viên, vận động viên được ký hợp đồng lao động và hưởng các mức lương tương ứng các mức quy định tại điểm a, b và c khoản 3 Điều 5 Quy định này, đảm bảo phù hợp với khả năng, trình độ và yêu cầu huấn luyện, thi đấu.

Trong thời gian hưởng chế độ tiền lương tại điểm a, b và c khoản 3 Điều 5, huấn luyện viên, vận động viên không được hưởng chế độ tiền lương quy định tại khoản 1, Điều 3 Quy định này.

5. Đối với huấn luyện viên, vận động viên nước ngoài: Căn cứ vào nhu cầu và điều kiện thực tế của địa phương, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định.

6. Định mức sinh hoạt phí (điện, nước,...) đối với huấn luyện viên, vận động viên ở nội trú tại Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể dục thể thao tỉnh là: 8.000 đồng/người/ngày.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Nguồn kinh phí và công tác lập dự toán, quản lý và quyết toán kinh phí

1. Kinh phí chi trả cho các chế độ tại Quy định này được đảm bảo từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện theo phân cấp, nguồn xã hội hóa và các nguồn thu hợp pháp khác (nếu có).

2. Việc lập dự toán, phân bổ dự toán, quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí thực hiện theo các quy định hiện hành của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

Mức chi thực hiện các chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trên địa bàn tỉnh Bình Phước tại Quy định này là mức chi tối đa. Căn cứ vào nguồn ngân sách được phân bổ hằng năm và các nguồn thu khác, đơn vị chịu trách nhiệm chi điều tiết nhưng không vượt quá quy định này.

CHỦ TỊCH

Số: /BC-SVHTTDL

Bình Phước, ngày tháng năm 2021

DỰ THẢO
(gửi góp ý)

BÁO CÁO

**Thực trạng và kết quả thực hiện các chế độ đối với huấn luyện viên,
vận động viên thể thao trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

I. CÔNG TÁC BAN HÀNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT QUY ĐỊNH CÁC CHẾ ĐỘ ĐỐI VỚI HUẤN LUYỆN VIÊN, VẬN ĐỘNG VIÊN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thực hiện Quyết định số 32/2011/QĐ-TTg ngày 06/6/2011 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao được tập trung tập huấn và thi đấu; Thông tư số 61/2018/TT-BTC ngày 26/7/2018 của Bộ Tài chính quy định nội dung và mức chi để thực hiện chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành các văn bản sau:

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 41/2012/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định về chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên và chi tiêu tài chính cho các giải thi đấu thể thao do tỉnh Bình Phước tổ chức; Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 25/10/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi tiết 2, 3 điểm b, Khoản 1, Điều 4 Quyết định số 41/2012/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định về chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên và chi tiêu tài chính cho các giải thi đấu thể thao do tỉnh Bình Phước tổ chức;

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 15/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 Quy định về nội dung, mức chi để thực hiện chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao và chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Hiện nay, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đang tập trung tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định mức chi để thực hiện các chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trên địa bàn tỉnh Bình Phước trên cơ sở các quy định của Nghị định số 152/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trong thời gian tập trung tập huấn và thi đấu; Thông tư số 86/2020/TT-BTC ngày 26/10/2020 của Bộ Tài chính quy định chi tiết chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên thể thao thành tích cao, vận động viên thể thao thành tích cao; Thông tư số

18/2019/TT-BLĐTBXH ngày 08/11/2019 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện tiền lương, tiền hỗ trợ tập huấn, thi đấu, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, chế độ khi ốm đau, thai sản, bị tai nạn lao động đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu.

II. SỐ LƯỢNG HUẤN LUYỆN VIÊN, VẬN ĐỘNG VIÊN THỂ THAO THÀNH TÍCH CAO

1. Số lượng huấn luyện viên:

Năm	Huấn luyện viên các tuyến (1)						TỔNG (1)	Huấn luyện viên được triệu tập vào đội tuyển quốc gia (2)				TỔNG (2)
	Năng khiếu		Trẻ		Tuyển			Trẻ		Tuyển		
	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ		Nam	Nữ	Nam	Nữ	
2012			14		11	1	26					
2013			13		13	1	27					
2014	9		11		11	2	33					
2015	9		11		11	2	33					
2016			14	2	15	1	32					
2017	9	1	8	1	20	2	41					
2018	10	4	12	1	13	1	41					
2019	10	2	15	1	11	1	40					
2020			15	3	16	1	35			2		2
2021	6		19		6	3	34			2		2

2. Số lượng vận động viên:

Năm	Vận động viên các tuyến (1)						Tổng (1)	Vận động viên được triệu tập vào đội tuyển quốc gia (2)				Tổng (2)	Vận động viên đạt đẳng cấp (3)								Tổng (3)
	Năng khiếu		Trẻ		Tuyển			Trẻ		Tuyển			Cấp I		Dự bị Kiện tướng		Kiện tướng		Kiện tướng quốc tế		
	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ		Nam	Nữ	Nam	Nữ		Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	
2012	75	33	16	6	62	18	210			4	3	7	31	8	1		22	3	1		66
2013	60	33	41	19	82	24	259	6	4		2	12	34	18	10	2	41	6	3		114
2014	69	21	37	21	67	25	240	6	3	2	2	13	34	19			25	7			85
2015	71	35	57	21	72	21	277	6	3	2	3	14	59	17	2		46	10			134
2016	61	36	59	17	66	25	264	11	7		1	19	52	19	3	3	22	7			106
2017	67	34	62	13	74	16	266	8	6		3	17	57	27	3	5	22	8			122
2018	65	25	52	23	72	29	266	6	7		2	15	60	23	10	5	20	7			125
2019	58	32	60	15	69	21	255	8	6		1	15	53	26		4	17	10			110
2020	62	28	59	16	72	18	255	5	7	4	2	18	60	26	03		17	15			121
6/2021	56	19	57	16	63	19	230	7	6	1	2	16	10	6	2		11	5			34

III. CHẾ ĐỘ ĐỐI VỚI HUẤN LUYỆN VIÊN, VẬN ĐỘNG VIÊN THỂ THAO THÀNH TÍCH CAO

1. Chế độ đối với huấn luyện viên

Năm	Chế độ tiền lương, tiền tập huấn và thi đấu						Chế độ dinh dưỡng				
	Tiền lương (ĐVT: đồng/người/ngày)			Tiền tập huấn và thi đấu (ĐVT: đồng/người/ngày)			Tiền ăn thường xuyên (ĐVT: đồng/người/ngày)			Tiền ăn tập huấn và thi đấu (ĐVT: đồng/người/ngày)	
	Năng khiếu	Trẻ	Tuyển	Năng khiếu	Trẻ	Tuyển	Năng khiếu	Trẻ	Tuyển	Trẻ	Tuyển
2012	90.000	90.000	120.000	90.000	90.000	120.000	90.000	120.000	150.000	150.000	150.000
2013	90.000	90.000	120.000	90.000	90.000	120.000	90.000	120.000	150.000	150.000	150.000
2014	90.000	90.000	120.000	90.000	90.000	120.000	90.000	120.000	150.000	150.000	150.000
2015	90.000	90.000	120.000	90.000	90.000	120.000	90.000	120.000	150.000	150.000	150.000
2016	90.000	90.000	120.000	90.000	90.000	120.000	90.000	120.000	150.000	150.000	150.000
2017	90.000	90.000	120.000	90.000	90.000	120.000	90.000	120.000	150.000	150.000	150.000
2018	90.000	90.000	120.000	90.000	90.000	120.000	90.000	120.000	150.000	150.000	150.000
2019	90.000	90.000	120.000	90.000	90.000	120.000	90.000	120.000	150.000	175.000	230.000
2020	180.000	180.000	215.000	180.000	180.000	215.000	100.000	140.000	175.000	175.000	230.000
2021	180.000	180.000	215.000	180.000	180.000	215.000	100.000	140.000	175.000	175.000	230.000

2. Chế độ đối với vận động viên

Bảng 1. Chế độ tiền lương, tiền tập huấn và thi đấu, tiền hỗ trợ đẳng cấp										
Năm	Tiền lương (ĐVT: đồng/người/ngày)			Tiền tập huấn và thi đấu (ĐVT: đồng/người/ngày)			Tiền hỗ trợ VĐV đạt đẳng cấp (ĐVT: đồng/người/tháng)			
	Năng khiếu	Trẻ	Tuyển	Năng khiếu	Trẻ	Tuyển	Cấp I	Dự bị Kiện tướng	Kiện tướng	Kiện tướng quốc tế
2012	30.000	40.000	80.000	30.000	40.000	80.000	400.000	500.000	800.000	1.000.000
2013	30.000	40.000	80.000	30.000	40.000	80.000	600.000	600.000	1.000.000	1.500.000
2014	30.000	40.000	80.000	30.000	40.000	80.000	600.000	600.000	1.000.000	1.500.000
2015	30.000	40.000	80.000	30.000	40.000	80.000	600.000	600.000	1.000.000	1.500.000
2016	30.000	40.000	80.000	30.000	40.000	80.000	600.000	600.000	1.000.000	1.500.000
2017	30.000	40.000	80.000	30.000	40.000	80.000	600.000	600.000	1.000.000	1.500.000
2018	30.000	40.000	80.000	30.000	40.000	80.000	600.000	600.000	1.000.000	1.500.000
2019	30.000	40.000	80.000	30.000	40.000	80.000	600.000	600.000	1.000.000	1.500.000
2020	30.000	40.000	80.000	30.000	40.000	80.000	600.000	600.000	1.000.000	1.500.000
2021	55.000	75.000	180.000	55.000	75.000	180.000	600.000	600.000	1.000.000	1.500.000

Bảng 1. Chế độ dinh dưỡng							
Năm	Tiền ăn thường xuyên (ĐVT: đồng/người/ngày)			Tiền ăn tập huấn và thi đấu (ĐVT: đồng/người/ngày)		Tiền thực phẩm chức năng (ĐVT: đồng/người/ngày)	
	<i>Năng khiếu</i>	<i>Trẻ</i>	<i>Tuyển</i>	<i>Trẻ</i>	<i>Tuyển</i>	<i>Trẻ</i>	<i>Tuyển</i>
2012	90.000	120.000	150.000	120.000	150.000	60.000	60.000
2013	90.000	120.000	150.000	120.000	150.000	60.000	60.000
2014	90.000	120.000	150.000	120.000	150.000	60.000	60.000
2015	90.000	120.000	150.000	120.000	150.000	60.000	60.000
2016	90.000	120.000	150.000	120.000	150.000	60.000	60.000
2017	90.000	120.000	150.000	120.000	150.000	60.000	60.000
2018	90.000	120.000	150.000	120.000	150.000	60.000	60.000
2019	90.000	120.000	150.000	120.000	150.000	60.000	60.000
2020	100.000	140.000	175.000	140.000	175.000	80.000	80.000
2021	100.000	140.000	175.000	140.000	175.000	80.000	80.000

3. Chế độ tiền lương của Câu lạc bộ Bóng đá tỉnh Bình Phước

Tiền lương đối với huấn luyện viên, vận động viên Câu lạc bộ Bóng đá tỉnh Bình Phước được thực hiện trên cơ sở thuận chủ trương của Ủy ban nhân dân tỉnh sau khi xem xét đề nghị của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Tài chính, mức lương đang thực hiện tại mùa giải năm 2021 như sau:

ĐVT: Đồng

STT	Đối tượng	Mức lương/tháng
1	Huấn luyện viên hạng A	Từ 17.000.000 - 20.000.000
2	Huấn luyện viên hạng C	10.000.000
3	Vận động viên hạng A	Từ 16.000.000 - 20.000.000
4	Vận động viên hạng B	Từ 12.000.000 - 15.000.000
5	Vận động viên hạng C	Từ 6.000.000 - 10.000.000

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ ĐỐI VỚI HUẤN LUYỆN VIÊN, VẬN ĐỘNG VIÊN THỂ THAO THÀNH TÍCH CAO

1. Chế độ đối với huấn luyện viên

ĐVT: Đồng

Năm	Chế độ tiền lương, tiền tập huấn và thi đấu (1)	Chế độ dinh dưỡng (2)		TỔNG CỘNG (1+2)
		<i>Tiền ăn thường xuyên</i>	<i>Tiền ăn tập huấn và thi đấu</i>	
2012	972.000.000	1.306.800.000	234.000.000	2.512.800.000
2013	1.026.000.000	1.317.600.000	243.000.000	2.586.600.000
2014	1.209.600.000	1.468.800.000	297.000.000	2.975.400.000
2015	1.209.600.000	1.468.800.000	297.000.000	2.975.400.000
2016	1.209.600.000	1.555.200.000	288.000.000	3.052.800.000

2017	1.566.000.000	1.900.800.000	369.000.000	3.835.800.000
2018	1.479.600.000	1.771.200.000	369.000.000	3.619.800.000
2019	1.425.600.000	1.728.000.000	360.000.000	3.513.600.000
2020	1.317.600.000	1.978.200.000	367.500.000	3.663.300.000
2021	1.198.800.000	1.758.600.000	357.000.000	3.314.400.000

2. Chế độ đối với vận động viên

DVT: Đồng

Năm	Chế độ tiền lương, tiền tập huấn và thi đấu (1)	Chế độ dinh dưỡng (2)			Hỗ trợ đăng cấp (3)	TỔNG CỘNG (1+2+3)
		Tiền ăn thường xuyên	Tiền ăn tập huấn và thi đấu	Thực phẩm chức năng		
2012	3.787.200.000	8.769.600.000	1.890.000.000	4.536.000.000	612.000.000	19.594.800.000
2013	4.921.200.000	11.329.200.000	2.331.000.000	5.594.400.000	994.800.000	25.170.600.000
2014	4.456.800.000	10.389.600.000	2.160.000.000	5.184.000.000	765.600.000	22.956.000.000
2015	4.946.400.000	11.816.000.000	2.493.000.000	5.983.200.000	1.233.600.000	26.472.200.000
2016	4.762.800.000	11.340.000.000	2.376.000.000	5.702.400.000	902.400.000	25.083.600.000
2017	4.762.800.000	11.372.400.000	2.394.000.000	5.745.600.000	1.022.400.000	25.297.200.000
2018	4.960.800.000	11.610.000.000	2.394.000.000	5.745.600.000	1.029.600.000	25.740.000.000
2019	4.644.000.000	11.016.000.000	2.295.000.000	5.508.000.000	921.600.000	24.384.600.000
2020	4.644.000.000	11.016.000.000	2.295.000.000	5.508.000.000	1.024.800.000	24.487.800.000
2021	8.769.600.000	10.011.600.000	2.070.000.000	4.968.000.000	321.600.000	26.140.800.000

3. Tiền lương của CLB Bóng đá tỉnh Bình Phước năm 2021:

DVT: Đồng

Đối tượng	Mức lương/tháng	Số lượng	Tổng cộng
Huấn luyện viên hạng A	20.000.000	03	60.000.000
Huấn luyện viên hạng A	17.000.000	01	17.000.000
Huấn luyện viên hạng C	10.000.000	01	10.000.000
Vận động viên hạng A	20.000.000	02	40.000.000
Vận động viên hạng A	19.000.000	01	19.000.000
Vận động viên hạng A	18.000.000	01	18.000.000
Vận động viên hạng A	17.000.000	01	17.000.000
Vận động viên hạng A	16.000.000	02	32.000.000
Vận động viên hạng B	15.000.000	06	90.000.000
Vận động viên hạng B	13.000.000	01	13.000.000
Vận động viên hạng B	12.000.000	03	36.000.000
Vận động viên hạng C	10.000.000	06	60.000.000
Vận động viên hạng C	9.000.000	02	18.000.000
Vận động viên hạng C	8.000.000	01	8.000.000
Vận động viên hạng C	7.000.000	02	14.000.000
Vận động viên hạng C	6.000.000	02	12.000.000
TỔNG CỘNG/THÁNG		35	464.000.000

V. THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC CỦA CÁC ĐỘI TUYỂN THỂ THAO TỈNH

Năm	Tại các Đại hội, giải thi đấu thể thao toàn quốc							Tại các Đại hội, giải thi đấu thể thao quốc tế					
	Các giải thể thao cụm, miền, toàn quốc			Đại hội Thể dục thể thao toàn quốc				Các giải thể thao khu vực, quốc tế			Đại hội thể thao Đông Nam Á (SeaGames)		
	HCV	HCB	HCD	HCV	HCB	HCD	Toàn đoàn	HCV	HCB	HCD	HCV	HCB	HCD
2012	45	59	92					2	2	1			
2013	63	60	88					1	1	1			
2014	66	55	74	6	11	11	24/65	2	4	4			
2015	64	79	130								1		1
2016	52	64	82					1	2				
2017	65	73	132					4	2			1	
2018	70	90	156	5	4	12	30/65						
2019	64	74	137					1		3			2
2020	32	42	65										
6/2021	25	27	29										
TỔNG	527	603	954	11	15	23		11	11	9	1	1	3

VI. MỘT SỐ CHẾ ĐỘ ĐỐI VỚI HUẤN LUYỆN VIÊN, VẬN ĐỘNG VIÊN THỂ THAO CẤP HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ

- Huấn luyện viên, vận động viên thể thao cấp huyện, thị xã, thành phố không tập trung tập luyện thường xuyên như huấn luyện viên, vận động viên thể thao cấp tỉnh mà chỉ tập trung tập luyện và tham gia thi đấu các giải thể thao do cấp tỉnh tổ chức trong một thời gian ngắn.

- Trong quá trình tập trung tập luyện và tham dự các giải thể thao cấp tỉnh, huấn luyện viên, vận động viên thể thao cấp huyện được hưởng các chế độ như sau:

STT	Đối tượng	Tiền hỗ trợ tập huấn, thi đấu	Tiền ăn tập huấn	Tiền ăn thi đấu
1	Huấn luyện viên đội tuyển huyện	Tối đa 96.000	Tối đa 140.000	Tối đa 184.000
2	Huấn luyện viên đội tuyển trẻ huyện	Tối đa 72.000	Tối đa 112.000	Tối đa 140.000
3	Vận động viên đội tuyển huyện	Tối đa 64.000	Tối đa 140.000	Tối đa 184.000
4	Vận động viên đội trẻ huyện	Tối đa 44.000	Tối đa 112.000	Tối đa 140.000

VII. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

1.1. Về công tác triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật quy định chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên:

Các văn bản quy phạm pháp luật quy định các chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên trên địa bàn tỉnh Bình Phước luôn được ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các địa phương, đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện

kip thời, đầy đủ, đúng quy định nhằm đảm bảo quyền và lợi ích của huấn luyện viên, vận động viên thể thao trong quá trình tập luyện, thi đấu và cống hiến cho sự nghiệp phát triển thể dục thể thao tỉnh nhà.

1.2. Về thể dục thể thao quần chúng

- Trong những năm qua, được sự quan tâm, chỉ đạo của lãnh đạo các cấp và đặc biệt là sự hưởng ứng tham gia tích cực của các tầng lớp nhân dân, phong trào thể dục thể thao quần chúng trên địa bàn tỉnh Bình Phước đã có những bước tiến vượt bậc, phát triển rộng khắp và tác động mạnh mẽ đến nhận thức của quần chúng nhân dân về vai trò, lợi ích của việc tập luyện thể dục thể thao trong đời sống hằng ngày.

- Mỗi năm, toàn tỉnh đã tổ chức được hàng trăm giải thi đấu thể thao với nhiều hình thức đa dạng, phong phú và hấp dẫn, trong đó: cấp tỉnh tổ chức trung bình từ 15 - 20 giải; cấp huyện tổ chức trung bình từ 8 – 10 giải/huyện; cấp xã tổ chức trung bình từ 2 – 3 giải/xã. Các giải thể thao được tổ chức đã tạo sân chơi lành mạnh, bổ ích và thu hút được đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia, đem lại nhiều hiệu quả tích cực, thúc đẩy sự phát triển của phong trào thể dục thể thao quần chúng ở cơ sở. Đến hết năm 2020, tỉ lệ người tập luyện thể dục thể thao thường xuyên đạt khoảng 32,7% tổng dân số toàn tỉnh; tỉ lệ gia đình thể thao đạt khoảng 20,8% tổng số hộ gia đình.

- Công tác phát triển thể dục thể thao trong trường học, lực lượng vũ trang, người cao tuổi, người khuyết tật, vùng đồng bào các dân tộc thiểu số, công nhân viên chức lao động, công nhân tại các khu công nghiệp luôn được quan tâm và phát triển, tạo nên bức tranh đa dạng, nhiều màu sắc về sự phát triển phong trào thể dục thể thao quần chúng trên địa bàn tỉnh.

1.3. Về thể thao thành tích cao

- Căn cứ kế hoạch hoạt động hằng năm của ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Trung tâm HL&TĐ TDTT tỉnh luôn chủ động xây dựng kế hoạch tuyển chọn vận động viên phù hợp với từng bộ môn. Đến năm 2021, thể thao thành tích cao của tỉnh tập trung đầu tư ở 14 bộ môn, hằng năm luôn duy trì huấn luyện tập trung từ 250 – 300 VĐV gồm các tuyến: năng khiếu, trẻ và đội tuyển, công tác quản lý, đào tạo, giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức nghề nghiệp, chăm sóc sức khỏe, chế độ, dinh dưỡng dành cho vận động viên luôn được quan tâm và cải thiện.

- Với sự quan tâm của lãnh đạo các cấp cùng sự cống hiến hết mình của đội ngũ cán bộ trực tiếp làm công tác thể thao, sau 14 năm hình thành và phát triển thể thao thành tích cao Bình Phước đã có sự phát triển mạnh mẽ. Trong những năm qua, thể thao thành tích cao luôn hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch UBND tỉnh giao hằng năm và đạt được những thành tích nổi bật như: Tham dự các kỳ Đại hội thể dục thể thao toàn quốc luôn nằm trong vị trí từ 25 – 30/ 65 đơn vị tham dự; CLB Bóng đá tỉnh Bình Phước duy trì thi đấu ở giải hạng Nhất quốc gia từ năm 2015 đến nay (năm 2017, 2019 đạt huy chương đồng); tại các kỳ Seagames, Thể thao Bình Phước luôn đóng góp vận động viên cho các đội

tuyển thể thao quốc gia, nổi bật là: VĐV Lý Kiều Diễm môn Đấu kiếm (HCV Seagames 26), VĐV Hoàng Nguyên Thanh môn Điền Kinh (HCB Seagames 28), VĐV Lê Thị Mỹ Thảo môn Bơi lội (HCB Seagames 29), VĐV Nguyễn Ngọc Đạt môn Võ gậy Arnis (HCB Seagames 30).

- Hiện nay, thể thao chuyên nghiệp tại Bình Phước chưa phát triển, hiện chỉ có duy nhất Câu lạc bộ Bóng đá Bình Phước hoạt động theo hình thức chuyên nghiệp để phù hợp với những quy định của Liên đoàn Bóng đá Việt Nam khi tham gia giải hạng Nhất quốc gia và Cúp quốc gia, tuy nhiên 100% kinh phí để duy trì hoạt động của Câu lạc bộ Bóng đá Bình Phước đều dựa vào nguồn kinh phí sự nghiệp thể dục thể thao được giao cho ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch hằng năm.

2. Hạn chế, khó khăn

- Các văn bản quy phạm pháp luật quy định các chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên trên địa bàn tỉnh Bình Phước được ban hành trong giai đoạn trước đây hiện nay đã không còn cơ sở áp dụng, gây khó khăn cho việc thực hiện các chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên.

- Nguồn kinh phí nhà nước đầu tư vào lĩnh vực thể dục thể thao tuy đã có những cải thiện trong những năm gần đây nhưng vẫn còn chiếm tỉ lệ nhỏ so với các lĩnh vực khác trong tỉnh và so với các tỉnh, thành trong cả nước.

- Nguồn nhân lực hoạt động trong lĩnh vực thể dục thể thao còn hạn chế, đa số cán bộ kiêm nhiệm nhiều lĩnh vực, chế độ đãi ngộ còn thấp.

- Chế độ đãi ngộ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao còn thấp khiến cho công tác tuyển chọn, thu hút và giữ chân những huấn luyện viên, vận động viên tài năng cống hiến lâu dài cho thể thao Bình Phước gặp không ít khó khăn.

- Phong trào thể dục thể thao quần chúng phát triển không đồng đều giữa các địa phương trong tỉnh, có sự chênh lệch lớn giữa khu vực thành thị và khu vực nông thôn.

- Thể thao thành tích cao tuy đã có bước phát triển, đạt được mục tiêu đề ra nhưng tính ổn định và bền vững chưa cao, đội ngũ huấn luyện viên chất lượng chưa cao, lực lượng vận động viên kế cận ở các môn thể thao còn mỏng. Điều kiện ăn, ở, sinh hoạt, học tập, rèn luyện của vận động viên các tuyển thể thao tỉnh còn nhiều khó khăn, hạn chế.

- Thể thao chuyên nghiệp chưa phát triển, hiện tại tỉnh Bình Phước chỉ có CLB Bóng đá Bình Phước hoạt động theo hình thức câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp, tuy nhiên nguồn kinh phí để duy trì hoạt động phụ thuộc hoàn toàn vào ngân sách nhà nước.

VIII. Đề xuất, kiến nghị

- Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết Quy định mức chi để thực hiện các chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

- Việc ban hành Nghị quyết là cơ sở pháp lý quan trọng để các địa phương, đơn vị trong toàn tỉnh triển khai thực hiện các chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao theo quy định.

Trên đây là Báo cáo thực trạng và kết quả thực hiện các chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trên địa bàn tỉnh Bình Phước của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch./.

Nơi nhận:

- Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, TDTT (PVP).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Trần Thế Anh

Số: /BC-SVHTTDL

Bình Phước, ngày tháng năm 2021

DỰ THẢO
(gửi góp ý)

BÁO CÁO

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

Đề nghị xây dựng Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức chi để thực hiện các chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trên địa bàn tỉnh Bình Phước

I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẮT CẬP TỔNG QUAN

1. Bối cảnh xây dựng chính sách:

Trong giai đoạn từ năm 2012 đến nay, các chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao và chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Bình Phước được quy định tại Nghị quyết số 26/2012/NQ-HĐND ngày 17/12/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định về chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên và chi tiêu tài chính cho các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Bình Phước; Nghị quyết số 15/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định về nội dung, mức chi để thực hiện chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao và chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Bình Phước; Quyết định số 41/2012/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định về chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên và chi tiêu tài chính cho các giải thi đấu thể thao do tỉnh Bình Phước tổ chức; Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 25/10/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sửa đổi tiết 2, 3 điểm b, khoản 1, Điều 4 Quyết định số 41/2012/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Việc xây dựng và áp dụng các văn bản quy phạm pháp luật nêu trên đã tạo điều kiện thuận lợi cho sự nghiệp thể dục thể thao tỉnh Bình Phước phát triển mạnh mẽ, phong trào thể dục thể thao cho mọi người phát triển rộng khắp, lan tỏa đến nhiều đối tượng trong xã hội, góp phần cải thiện sức khỏe, thể chất và tinh thần cho nhân dân; thể thao thành tích cao gặt hái được nhiều thành tích rất đáng khích lệ, để lại dấu ấn tích cực tại các đấu trường khu vực, quốc gia, quốc tế.

Tuy nhiên đến thời điểm hiện tại, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 152/2018/NĐ-CP ngày 07/11/2018 quy định một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trong thời gian tập trung tập huấn và thi đấu, thay thế Quyết định số 32/2011/QĐ-TTg ngày 06/6/2011 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao được tập trung tập huấn và thi đấu; Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 86/2020/TT-BTC ngày 26/10/2020 quy định chi tiết chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên thể thao thành tích cao, vận động viên thể thao thành tích cao, thay thế Thông tư số 61/2018/TT-

BTC ngày 26/7/2018 của Bộ Tài chính quy định nội dung và mức chi để thực hiện chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao. Căn cứ pháp lý để xây dựng Nghị quyết số 15/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh đã thay đổi; Quyết định số 41/2012/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 và Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 25/10/2016 không còn phù hợp và được bãi bỏ theo Quyết định số 20/2021/QĐ-UBND ngày 11/6/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Do đó các văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành để điều chỉnh các chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trên địa bàn tỉnh Bình Phước hết hiệu lực một phần hoặc toàn phần, tạo ra khoảng trống trong việc thực hiện chính sách nhằm đảm bảo quyền và lợi ích của huấn luyện viên, vận động viên thể thao, cụ thể như sau:

- Chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao cấp huyện, thị xã, thành phố (gọi chung là cấp huyện) chưa được quy định cụ thể, gây khó khăn cho các địa phương trong công tác triệu tập huấn luyện viên, vận động viên tham gia tập luyện, thi đấu tại các giải thể thao cấp tỉnh, đặc biệt là chế độ tiền ăn, tiền hỗ trợ tập huấn, thi đấu đối với huấn luyện viên, vận động viên cấp huyện ở thời điểm hiện tại không có cơ sở để áp dụng.

- Chế độ tiền lương, tiền hỗ trợ tập huấn và thi đấu, chế độ dinh dưỡng và một số chế độ đặc thù khác đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao để tạo sự khích lệ, động lực để các đối tượng này yên tâm công tác, cống hiến tài năng cho thể thao tỉnh Bình Phước không có cơ sở để áp dụng. Thực trạng “chảy máu tài năng thể thao” vẫn diễn ra, một trong những nguyên nhân của vấn đề này là chế độ đãi ngộ chưa được đảm bảo, chưa tương xứng với tài năng, công sức của huấn luyện viên, vận động viên, điều này gây ảnh hưởng lớn đến công tác đào tạo, huấn luyện vận động viên thể thao thành tích cao.

Về chủ trương, chính sách của Trung ương, địa phương: Sự nghiệp thể dục thể thao trong những năm qua luôn được Đảng, Nhà nước quan tâm, phát triển; Chính phủ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Tài chính, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội đã thường xuyên ban hành các văn bản quy phạm pháp luật mới, kịp thời sửa đổi, điều chỉnh các văn bản quy phạm pháp luật đã ban hành để quy định, hướng dẫn các địa phương, đơn vị thực hiện các chế độ, chính sách dành cho các đối tượng huấn luyện viên, vận động viên thể thao. Trong nhiều năm qua, sự nghiệp thể dục thể thao tỉnh Bình Phước luôn được Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh quan tâm, chỉ đạo và định hướng phát triển; công tác xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp được thực hiện thường xuyên đã góp phần thực hiện tốt các chế độ, chính sách của Đảng, Nhà nước dành cho thể dục thể thao nói chung và dành cho huấn luyện viên, vận động viên thể thao nói riêng, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhà.

2. Mục tiêu xây dựng chính sách:

2.1. Mục tiêu tổng thể:

- Đảm bảo thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các chính sách của Đảng, Nhà nước liên quan đến sự nghiệp phát triển thể dục thể thao nói chung và chế độ đối

với huấn luyện viên, vận động viên thể thao nói riêng. Kịp thời triển khai các văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương quy định các chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trên địa bàn tỉnh.

- Thúc đẩy sự nghiệp thể dục thể thao tỉnh Bình Phước tiếp tục phát triển mạnh mẽ trong thời gian tới. Thể dục thể thao đóng góp một phần quan trọng trong công tác bảo vệ, cải thiện và nâng cao sức khỏe cho nhân dân, từ đó góp phần xây dựng và phát triển lực lượng lao động sản xuất đủ sức khỏe, trình độ, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn hiện nay.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

- Quy định mức chi để thực hiện các chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trên địa bàn tỉnh nhằm đảm bảo quyền và lợi ích của huấn luyện viên, vận động viên, góp phần thu hút, giữ chân huấn luyện viên, vận động viên thể thao tài năng cống hiến cho thể thao Bình Phước, nâng cao ý chí, tinh thần cống hiến của huấn luyện viên, vận động viên đối với sự nghiệp phát triển thể dục thể thao tỉnh nhà.

- Phát triển phong trào tập luyện và thi đấu thể dục thể thao quần chúng, từ đó làm nền tảng vững chắc để thể thao thành tích cao phát triển trên tinh thần tập trung đầu tư có trọng điểm các môn thể thao tỉnh nhà có thể mạnh, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

1. Chính sách 1: Chế độ tiền lương, tiền hỗ trợ tập huấn, thi đấu đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trên địa bàn tỉnh.

1.1. Xác định vấn đề bất cập

- Hiện nay, chế độ tiền lương, tiền hỗ trợ tập huấn, thi đấu đối với huấn luyện viên, vận động viên các đội tuyển thể thao cấp tỉnh đang được thực hiện theo Nghị định số 152/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trong thời gian tập trung tập huấn và thi đấu. Tuy nhiên, chế độ tiền hỗ trợ tập huấn, thi đấu đối với huấn luyện viên, vận động viên cấp huyện chưa được quy định cụ thể, không có cơ sở để thực hiện, gây khó khăn cho công tác tuyển chọn và thành lập đội tuyển thể thao cấp huyện tham dự các giải thể thao cấp tỉnh.

- Trước đây, chế độ tiền hỗ trợ tập huấn, thi đấu đối với huấn luyện viên, vận động viên cấp huyện được thực hiện theo Quyết định số 41/2012/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định về chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên và chi tiêu tài chính cho các giải thi đấu thể thao do tỉnh Bình Phước tổ chức, hiện nay đã hết hiệu lực.

1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Quy định cụ thể đối tượng và tăng mức chi để thực hiện chế độ tiền hỗ trợ tập huấn, thi đấu đối với huấn luyện viên, vận động viên của các đội tuyển thể thao cấp huyện trong quá trình tập luyện và thi đấu tại các giải thể thao cấp tỉnh

trên cơ sở các mức chi đang được thực hiện đối với huấn luyện viên, vận động viên các đội tuyển thể thao cấp tỉnh.

- Tạo điều kiện thuận lợi để các địa phương trong tỉnh phát triển phong trào tập luyện và thi đấu thể dục thể thao, thuận lợi trong công tác tuyển chọn và thành lập đội tuyển tham dự các giải thể thao cấp tỉnh, đảm bảo quyền lợi cho huấn luyện viên, vận động viên cấp huyện, từ đó góp phần phát triển thể dục thể thao quần chúng ở các địa phương.

1.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

- Chế độ tiền hỗ trợ tập huấn, thi đấu đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao cấp huyện thực hiện theo phân cấp ngân sách nhà nước, từ nguồn kinh phí phân bổ cho lĩnh vực thể dục thể thao tại các địa phương hằng năm.

- Việc áp dụng thực hiện chế độ tiền hỗ trợ tập huấn, thi đấu phải đảm bảo đúng quy định, đúng đối tượng, các địa phương, đơn vị thực hiện chi tự điều tiết, đảm bảo không vượt quá nguồn kinh phí được phân bổ hằng năm.

1.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

- Đối với cơ quan quản lý nhà nước: Được tạo điều kiện thuận lợi trong công tác tuyển chọn huấn luyện viên, vận động viên tham gia thi đấu tại các giải thể thao cấp tỉnh. Chất lượng tập luyện và thi đấu thể dục thể thao ngày càng được nâng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển phong trào thể dục thể thao quần chúng trên toàn tỉnh.

- Đối với huấn luyện viên, vận động viên: Được đảm bảo quyền và lợi ích, đảm bảo các chế độ theo quy định, giúp huấn luyện viên, vận động viên yên tâm cống hiến sức lực, tài năng cho sự nghiệp phát triển thể dục thể thao tỉnh nhà.

- Đối với ngân sách cấp huyện: Trên thực tế việc chi trả chế độ tiền hỗ trợ tập huấn, thi đấu đối với huấn luyện viên, vận động viên cấp huyện chỉ thực hiện trong thời gian ngắn khi tham gia tập luyện và thi đấu tại các giải thể thao cấp tỉnh, vì nhóm đối tượng này không tập trung thường xuyên như cấp tỉnh. Mức chi hiện tại rất thấp và không còn phù hợp với thực tế vì các mức chi này đã thực hiện trong thời gian dài gần 10 năm, các đơn vị chuyên môn gặp rất nhiều khó khăn trong công tác tuyển chọn huấn luyện viên, vận động viên tham gia thi đấu. Do đó mức chi dự kiến đối với cấp huyện sẽ tăng lên để cơ bản tiệm cận với các mức tương ứng của cấp tỉnh, phù hợp với điều kiện thực tế hiện nay, mức chi cấp huyện sẽ thực hiện tối đa 80% so với cấp tỉnh, cụ thể như sau:

Bảng 1. Mức chi tiền lương, tập huấn, thi đấu đang thực hiện đối với huấn luyện viên, vận động viên cấp tỉnh (ĐVT tính: đồng/người/ngày)		
STT	Đối tượng	Mức chi
1	Huấn luyện viên đội tuyển tỉnh	215.000
2	Huấn luyện viên đội tuyển trẻ tỉnh, huấn luyện viên đội tuyển năng khiếu tỉnh, vận động viên đội tuyển tỉnh	180.000
3	Vận động viên đội tuyển trẻ tỉnh	75.000
4	Vận động viên đội tuyển năng khiếu tỉnh	55.000

STT	Đối tượng	Mức chi cũ (theo QĐ số 41)	Mức chi mới (80% mức tương ứng của cấp tỉnh)	Mức tăng dự kiến
1	Huấn luyện viên đội tuyển huyện	Tối đa 96.000	Tối đa 170.000	77,1%
2	Huấn luyện viên đội tuyển trẻ huyện	Tối đa 72.000	Tối đa 145.000	101,3%
3	Vận động viên đội tuyển huyện	Tối đa 64.000	Tối đa 145.000	126,5%
4	Vận động viên đội trẻ huyện	Tối đa 44.000	Tối đa 60.000	36,3%

1.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

- Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua chính sách.

- Sau khi chính sách được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan triển khai thực hiện, bố trí nguồn ngân sách phù hợp để đảm bảo các nội dung của chính sách được triển khai thực hiện đầy đủ, đúng quy định và đem lại hiệu quả thiết thực trên thực tế.

2. Chính sách 2: Chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trên địa bàn tỉnh.

2.1. Xác định vấn đề bất cập

- Chế độ dinh dưỡng, thực phẩm chức năng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trên địa bàn tỉnh đang thực hiện theo Nghị quyết số 15/2019/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh, các mức chi này đã không còn phù hợp với thời điểm hiện tại, còn thấp so với các mức chi được quy định tại Thông tư số 86/2020/TT-BTC ngày 26/10/2020 của Bộ Tài chính quy định chi tiết chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên thể thao thành tích cao, vận động viên thể thao thành tích cao, cụ thể như sau:

ĐVT tính: đồng/người/ngày

STT	Đối tượng	Mức chi tiền ăn đang thực hiện tại địa phương		Mức chi tiền ăn theo quy định của Trung ương	
		Tiền ăn tập huấn	Tiền ăn thi đấu	Tiền ăn tập huấn	Tiền ăn thi đấu
1	Huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển tỉnh	175.000	230.000	240.000	320.000
2	Huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển trẻ tỉnh	140.000	175.000	200.000	240.000
3	Huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển năng khiếu tỉnh	100.000	175.000	-	-
4	Huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển huyện	Tối đa 140.000	Tối đa 184.000	-	-
5	Huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển trẻ huyện	Tối đa 112.000	Tối đa 140.000	-	-

- Chế độ dinh dưỡng thấp sẽ khiến nền tảng thể lực, năng lượng của vận động viên không được đảm bảo để duy trì cường độ vận động ở mức độ cao, rất khó thực hiện tốt và đầy đủ giáo án huấn luyện, cũng như không thể đáp ứng yêu cầu huấn luyện, đào tạo ngày càng nâng cao trong giai đoạn hiện nay.

- Bên cạnh đó, Thông tư số 86/2020/TT-BTC ngày 26/10/2020 của Bộ Tài chính quy định chi tiết chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên thể thao thành tích cao, vận động viên thể thao thành tích cao chỉ quy định mức chi để thực hiện chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao đội tuyển tỉnh và đội tuyển trẻ tỉnh trong thời gian tập huấn, thi đấu. Đối với các đối tượng huấn luyện viên, vận động viên khác gồm: đội tuyển năng khiếu tỉnh, đội tuyển cấp huyện sẽ do địa phương quy định cụ thể để thực hiện. Song song với việc quy định chế độ tiền lương, tiền hỗ trợ tập huấn, thi đấu thì việc quy định chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên là hết sức quan trọng, cần thiết.

2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Kịp thời triển khai áp dụng chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển tỉnh, đội tuyển trẻ tỉnh đã được quy định tại Thông tư số 86/2020/TT-BTC ngày 26/10/2020 của Bộ Tài chính quy định chi tiết chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên thể thao thành tích cao, vận động viên thể thao thành tích cao. Tiếp tục thực hiện chế độ thực phẩm chức năng đối với vận động viên cấp tỉnh tại Nghị quyết số 15/2019/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Quy định mức chi để thực hiện chế độ dinh dưỡng đối với các đối tượng huấn luyện viên, vận động viên khác gồm: đội tuyển năng khiếu tỉnh, đội tuyển cấp huyện, thị xã, thành phố. Tăng mức chi chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên trên địa bàn tỉnh để đáp ứng yêu cầu đào tạo, huấn luyện và thi đấu ngày càng nâng cao.

2.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

- Chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trên địa bàn tỉnh thực hiện theo phân cấp ngân sách nhà nước, từ nguồn kinh phí phân bổ cho lĩnh vực thể dục thể thao hằng năm, trong đó:

+ Ngân sách nhà nước cấp tỉnh đảm bảo cho việc thực hiện chế độ dinh dưỡng, thực phẩm chức năng đối với huấn luyện viên, vận động viên cấp tỉnh.

+ Ngân sách nhà nước cấp huyện đảm bảo cho việc thực hiện chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên cấp huyện trong thời gian tập huấn và thi đấu tại các giải thể thao cấp tỉnh.

- Ngoài ra, các địa phương, đơn vị tăng cường công tác vận động nguồn kinh phí xã hội hóa và các nguồn thu hợp pháp khác để đảm bảo thực hiện chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên.

- Việc áp dụng thực hiện chế độ dinh dưỡng phải đảm bảo đúng quy định, đúng đối tượng, các địa phương, đơn vị thực hiện chi tự điều tiết, đảm bảo không vượt quá nguồn kinh phí được phân bổ hằng năm.

2.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

- Đối với cơ quan quản lý nhà nước: Được tạo điều kiện thuận lợi trong công tác tuyển chọn, quản lý, huấn luyện, đào tạo huấn luyện viên, vận động viên. Chất lượng huấn luyện và thi đấu ngày càng được nâng cao, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

- Đối với huấn luyện viên, vận động viên: Được đảm bảo quyền và lợi ích, đảm bảo chế độ dinh dưỡng theo quy định, giúp huấn luyện viên, vận động viên yên tâm cống hiến sức lực, tài năng cho sự nghiệp phát triển thể dục thể thao tỉnh nhà.

- Đối với ngân sách cấp tỉnh:

+ Kinh phí để thực hiện chế độ tiền ăn đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao cấp tỉnh dự kiến tăng so với trước khi chính sách được thông qua, cụ thể như sau:

DVT tính: đồng/người/ngày

STT	Đối tượng	Mức chi tiền ăn thường xuyên/ngày		Mức tăng dự kiến	Mức chi tiền ăn tập huấn/ngày		Mức tăng dự kiến	Mức chi tiền ăn thi đấu/ngày		Mức tăng dự kiến
		Mức chi trước đây	Mức chi dự kiến		Mức chi trước đây	Mức chi dự kiến		Mức chi trước đây	Mức chi dự kiến	
1	HLV, VĐV đội tuyển tỉnh	175.000	200.000	14,2%	175.000	240.000	37,1%	230.000	320.000	39,1%
2	HLV, VĐV đội tuyển trẻ tỉnh	140.000	175.000	25%	140.000	200.000	42,8%	175.000	240.000	37,1%
3	HLV, VĐV đội tuyển năng khiếu tỉnh	100.000	150.000	50%	100.000	180.000	80%	175.000	200.000	14,2%

+ Kinh phí để thực hiện chế độ thực phẩm chức năng đối với vận động viên cấp tỉnh không tăng so với trước đây vì vẫn giữ nguyên các mức chi đã thực hiện tại Nghị quyết số 15/2019/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh, mức tối đa: 80.000đ/người/ngày.

- Đối với ngân sách cấp huyện: Trên thực tế chế độ tiền ăn đối với huấn luyện viên, vận động viên cấp huyện chỉ thực hiện trong thời gian ngắn khi tham gia tập luyện và thi đấu tại các giải thể thao cấp tỉnh, vì nhóm đối tượng này không tập trung thường xuyên như cấp tỉnh. Mức chi dự kiến đối với cấp huyện sẽ tăng trên cơ sở các mức dự kiến tương ứng của cấp tỉnh, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: đồng/người/ngày

STT	Đối tượng	Mức chi tiền ăn tập huấn/ngày		Mức tăng dự kiến	Mức chi tiền ăn thi đấu/ngày		Mức tăng dự kiến
		Mức chi trước đây	Mức chi dự kiến		Mức chi trước đây	Mức chi dự kiến	
1	Huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển huyện	Tối đa 140.000	Tối đa 180.000	28,5%	Tối đa 184.000	Tối đa 200.000	8,6%
2	Huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển trẻ huyện	Tối đa 112.000	Tối đa 160.000	42,8%	Tối đa 140.000	Tối đa 180.000	28,5%

2.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

- Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua chính sách.
- Sau khi chính sách được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các sở, ban, ngành liên quan triển khai thực hiện, bố trí nguồn ngân sách phù hợp để đảm bảo các nội dung của chính sách được triển khai thực hiện đầy đủ, đúng quy định và đem lại hiệu quả thiết thực trên thực tế.

3. Chính sách 3: Chế độ đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao tỉnh Bình Phước

3.1. Xác định vấn đề bất cập

- Đối với chế độ hỗ trợ vận động viên đạt đẳng cấp: Trước đây, chế độ hỗ trợ vận động viên đạt đẳng cấp tại các giải thể thao quốc gia, quốc tế thực hiện theo Quyết định số 41/2012/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định về chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên và chi tiêu tài chính cho các giải thi đấu thể thao do tỉnh Bình Phước tổ chức. Tuy nhiên, Quyết định số 41/2012/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh đã hết hiệu lực, chế độ hỗ trợ vận động viên đạt đẳng cấp không còn cơ sở để áp dụng, trên thực tế mức chi chế độ này đã thực hiện gần 10 năm và không còn phù hợp với hiện tại. Bên cạnh đó, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã ban hành Thông tư số 06/2021/TT-BVHTTDL ngày 22/7/2021 về việc quy định tiêu chuẩn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao, đặt ra yêu cầu địa phương cần phải quy định tiêu chuẩn vận động viên được hưởng chế độ hỗ trợ đẳng cấp phù hợp theo tiêu chuẩn của Trung ương quy định.

- Đối với chế độ hỗ trợ huấn luyện viên, vận động viên khi triệu tập vào đội tuyển quốc gia: Trong những năm qua, thành tích thi đấu của vận động viên thể thao thành tích cao được nâng lên rõ rệt, đã có một số huấn luyện viên, vận động viên đạt thành tích xuất sắc của tỉnh được triệu tập vào đội tuyển quốc gia tập trung tập luyện và thi đấu thường xuyên. Trong quá trình tập luyện và thi đấu tại đội tuyển quốc gia, huấn luyện viên, vận động viên hưởng chế độ tiền lương, tiền hỗ trợ tập huấn, thi đấu theo Nghị định số 152/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ, chế độ này do Trung ương chi trả. Tuy nhiên, chế độ tiền lương, tiền hỗ trợ tập huấn, thi đấu theo Nghị định số 152/2018/NĐ-CP chỉ đảm bảo các điều kiện cơ bản theo quy định, chưa tạo được sự khích lệ đối với huấn luyện viên, vận động viên khi tập trung lên đội tuyển quốc gia. Do đó, để động viên, khích lệ và giữ chân nhóm đối tượng huấn luyện viên, vận động viên tài năng này tiếp tục cống hiến cho thể thao tỉnh nhà cũng như thể thao quốc gia, việc quy định chế độ hỗ trợ của địa phương trong thời gian tập trung đội tuyển quốc gia là rất cần thiết.

- Đối với vấn đề tiền lương đặc thù dành cho huấn luyện viên, vận động viên thể thao tài năng: Trước đây, Quyết định số 41/2012/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh đã quy định mức chi chế độ tiền lương đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao tài năng với mục đích thu hút,

giữ chân nhân tài cống hiến cho thể thao Bình Phước. Tuy nhiên, Quyết định số 41/2012/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh đã hết hiệu lực, chế độ tiền lương đặc thù không còn cơ sở để áp dụng. Chế độ này cũng đã thực hiện gần 10 năm, nội dung và mức chi không còn phù hợp với hiện tại.

- Đối với vấn đề tiền lương của Câu lạc bộ Bóng đá tỉnh Bình Phước: Trong những năm qua, Câu lạc bộ Bóng đá tỉnh Bình Phước thường xuyên duy trì thi đấu tại Giải Bóng đá hạng Nhất quốc gia và gặt hái được những thành tích đáng khích lệ, để lại nhiều ấn tượng sâu đậm trong lòng người hâm mộ thể thao tỉnh nhà. Để góp phần động viên, khích lệ huấn luyện viên, vận động viên tiếp tục nỗ lực tập luyện, thi đấu cũng như từng bước rút ngắn khoảng cách, sự chênh lệch về tiền lương so với mặt bằng chung của các câu lạc bộ khác trong hệ thống thi đấu quốc gia thì cần phải quy định chế độ tiền lương dành riêng cho Câu lạc bộ Bóng đá tỉnh Bình Phước. Hiện nay, tiền lương của Câu lạc bộ Bóng đá tỉnh Bình Phước được giải quyết tạm thời theo từng năm, trên cơ sở thống nhất giữa Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét và quyết định mức lương cho từng mùa giải. Trước thực tế đó, việc quy định chế độ tiền lương của Câu lạc bộ Bóng đá tỉnh Bình Phước để có thể áp dụng lâu dài trong nhiều năm là hết sức cần thiết, giúp huấn luyện viên, vận động viên yên tâm cống hiến cho thể thao tỉnh nhà.

- Đối với vấn đề sinh hoạt của huấn luyện viên, vận động viên nội trú: Hiện nay, Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu Thể dục thể thao tỉnh chưa được đầu tư xây dựng khu nội trú dành riêng cho huấn luyện viên, vận động viên. Phòng ở của huấn luyện viên, vận động viên đang được bố trí tạm dưới khu vực khán đài sân vận động dẫn đến việc sinh hoạt hằng ngày của huấn luyện viên, vận động viên gặp rất nhiều khó khăn, ảnh hưởng đến công tác huấn luyện và thi đấu. Để có thể tạm thời khắc phục và hạn chế một phần những khó khăn này, hằng năm Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã cân đối một phần kinh phí khoán chi sự nghiệp thể dục thể thao trên cơ sở thống nhất của Sở Tài chính để hỗ trợ chi phí sinh hoạt đối với huấn luyện viên, vận động viên. Vấn đề này rất cần chính sách quy định cụ thể để có thể thực hiện trong thời gian dài, giúp huấn luyện viên, vận động viên yên tâm tập luyện, thi đấu.

3.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Tiếp tục thực hiện chế độ tiền hỗ trợ vận động viên đạt đẳng cấp khi tham gia thi đấu đạt thành tích tại các giải thể thao quốc gia như đã từng thực hiện trong giai đoạn trước đây theo Quyết định số 41/2012/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Nâng cao mức chi chế độ tiền hỗ trợ vận động viên đạt đẳng cấp và điều chỉnh các mức thành tích đạt được theo quy định phong đẳng cấp của Trung ương để có thể được hưởng chế độ hỗ trợ.

- Quy định chế độ hỗ trợ đối với huấn luyện viên, vận động viên của tỉnh trong thời gian được triệu tập vào đội tuyển quốc gia tham gia tập huấn và thi đấu thường xuyên, góp phần động viên, khích lệ tinh thần đối với huấn luyện viên, vận động viên của tỉnh. Khuyến khích vận động viên tích cực tập luyện, nâng cao

thành tích thi đấu để có thể được triệu tập vào đội tuyển quốc gia, cống hiến cho sự phát triển của thể dục thể thao nước nhà.

- Tiếp tục thực hiện chế độ tiền lương đặc thù dành cho huấn luyện viên, vận động viên thể thao tài năng như đã từng thực hiện trong giai đoạn trước đây theo Quyết định số 41/2012/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Quy định cụ thể tiêu chuẩn của huấn luyện viên, vận động viên để có thể hưởng mức tiền lương đặc thù. Mục tiêu của chính sách là thu hút và giữ chân huấn luyện viên, vận động viên thể thao tài năng yên tâm cống hiến cho Thể thao Bình Phước.

- Tiếp tục thực hiện chế độ tiền lương đối với huấn luyện viên, vận động viên Câu lạc bộ Bóng đá tỉnh Bình Phước đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt những năm gần đây. Quy định khoảng mức lương cụ thể và tiêu chuẩn huấn luyện viên, vận động viên được hưởng mức lương tương ứng. Việc quy định chế độ tiền lương đối với Câu lạc bộ Bóng đá tỉnh Bình Phước sẽ từng bước rút ngắn khoảng cách về tiền lương so với các câu lạc bộ khác đang thi đấu trong hệ thống các giải Bóng đá quốc gia. Chế độ tiền lương phù hợp là nguồn động viên, khích lệ tinh thần to lớn để huấn luyện viên, vận động viên tiếp tục duy trì thành tích thi đấu trong những năm qua và nâng cao thành tích thi đấu trong thời gian tới.

- Hỗ trợ chi phí về điện, nước, trang thiết bị sinh hoạt cơ bản, công tác đảm bảo vệ sinh môi trường để khắc phục và hạn chế một phần khó khăn của huấn luyện viên, vận động viên thể thao của tỉnh trong quá trình sinh hoạt, tập luyện tại Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu Thể dục thể thao tỉnh.

3.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

- Ngân sách nhà nước cấp tỉnh đảm bảo cho việc thực hiện các chế độ đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao tỉnh Bình Phước.

- Ngoài ra, đơn vị quản lý, sử dụng huấn luyện viên, vận động viên cần tăng cường công tác vận động nguồn kinh phí xã hội hóa và các nguồn thu hợp pháp khác để đảm bảo thực hiện các chế độ đặc thù.

- Việc áp dụng thực hiện chế độ đảm bảo đúng quy định, đúng đối tượng, đơn vị quản lý, sử dụng huấn luyện viên thực hiện chi tự điều tiết, đảm bảo không vượt quá nguồn ngân sách được phân bổ dành cho lĩnh vực thể dục thể thao hằng năm.

3.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

- Đối với cơ quan quản lý nhà nước: Có điều kiện thuận lợi trong công tác thu hút và giữ chân huấn luyện viên, vận động viên thể thao tài năng cống hiến cho sự nghiệp phát triển thể dục thể thao tỉnh nhà.

- Đối với huấn luyện viên, vận động viên: Được tỉnh nhà ghi nhận sự nỗ lực, cố gắng trong quá trình tập luyện và thi đấu, các chế độ góp phần động viên, khích lệ huấn luyện viên, vận động viên tiếp tục nỗ lực, cố gắng, cống hiến sức lực và tài năng cho sự nghiệp phát triển thể thao tỉnh Bình Phước.

- Đối với ngân sách nhà nước cấp tỉnh: Kinh phí để thực hiện các chế độ đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên dự kiến thay đổi so với trước khi chính sách được thông qua, cụ thể như sau:

Bảng 1. Chế độ hỗ trợ vận động viên đạt đẳng cấp (ĐVT tính: đồng/người/tháng)					
STT	Chế độ tiền hỗ trợ đẳng cấp theo tiêu chuẩn trước đây được quy định tại Quyết định số 41		Dự kiến chế độ tiền hỗ trợ đẳng cấp theo tiêu chuẩn mới		Mức tăng dự kiến
	Đối tượng	Mức chi	Đối tượng	Mức chi	
1	Kiên tướng Quốc tế	1.500.000	Vận động viên Kiện tướng (đạt huy chương)	1.500.000	0%
2	Kiên tướng Quốc gia (đạt huy chương) và Dự bị Kiện tướng quốc tế	1.000.000	Vận động viên Kiện tướng (không đạt huy chương)	1.200.000	20%
3	Kiên tướng Quốc gia (Không đạt huy chương)	800.000	Vận động viên Cấp I (đạt huy chương)	1.000.000	25%
4	Dự bị Kiện tướng và Cấp I quốc gia	600.000	Vận động viên Cấp I (không đạt huy chương)	800.000	33,3%

Bảng 2. Chế độ hỗ trợ huấn luyện viên, vận động viên khi tập trung đội tuyển quốc gia (ĐVT tính: đồng/người/ngày)					
STT	Đối tượng	Trước đây	Mức chi dự kiến	Số lượng HLV, VĐV thực hiện dự kiến	Thời gian thực hiện
1	Huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển tỉnh	Chưa quy định	180.000	05	Theo QĐ triệu tập của Trung ương
2	Huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển trẻ tỉnh	Chưa quy định	120.000	05	

Bảng 3. Chế độ tiền lương đặc thù dành cho huấn luyện viên, vận động viên thể thao tài năng (ĐVT tính: đồng/người/tháng)					
STT	Tiền lương đặc thù theo tiêu chuẩn trước đây		Dự kiến tiền lương đặc thù theo tiêu chuẩn mới		Mức tăng dự kiến
	Đối tượng	Mức chi	Đối tượng	Mức chi	
1	Huấn luyện viên ngoài tỉnh	Tối đa 20.000.000	HLV, VĐV đạt huy chương tại SeaGames, Asiad và Olympic	Tối đa 25.000.000	25%
2	Vận động viên ngoài tỉnh	Tối đa 20.000.000	HLV, VĐV đạt huy chương tại ĐHTDTT toàn quốc, giải Vô địch quốc gia từng môn	Tối đa 20.000.000	0%

Bảng 4. Tiêu chuẩn chức danh và chế độ tiền lương dự kiến của CLB Bóng đá tỉnh Bình Phước (ĐVT tính: đồng/người/tháng)		
STT	Đối tượng	Mức tiền lương/tháng
1	Giám đốc kỹ thuật, huấn luyện viên trưởng	Tối đa 25.000.000
2	Trợ lý huấn luyện viên	Tối đa 20.000.000
3	Vận động viên hạng A	Tối đa 20.000.000
4	Vận động viên hạng B	Tối đa 16.000.000
5	Vận động viên hạng C	Tối đa 12.000.000
Số lượng huấn luyện viên, vận động viên và tổng mức chi tiền lương cho Câu lạc bộ Bóng đá tỉnh Bình Phước cơ bản không thay đổi so với mức chi đang thực hiện năm 2021		

Bảng 5. Hỗ trợ sinh hoạt phí đối với huấn luyện viên, vận động viên (ĐVT tính: đồng/người/ngày)		
Mức hỗ trợ đang áp dụng	Mức hỗ trợ dự kiến	Mức tăng dự kiến
8.000	8.000	0%

3.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

- Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua chính sách.
- Sau khi chính sách được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các sở, ngành liên quan triển khai thực hiện, bố trí nguồn ngân sách phù hợp để đảm bảo các nội dung của chính sách được triển khai thực hiện đầy đủ, đúng quy định, mang lại hiệu quả thiết thực trên thực tế.

III. Ý KIẾN THAM VẤN

1. Thực hiện lấy ý kiến đối với tất cả hồ sơ liên quan của đề nghị xây dựng Nghị quyết thông qua Cổng thông tin điện tử của tỉnh. Thời gian lấy ý kiến: 30 ngày kể từ ngày đăng công báo.

2. Đề nghị Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu Thể dục thể thao tỉnh tổ chức lấy ý kiến các đối tượng chịu sự tác động của chính sách bằng phương pháp đối thoại trực tiếp hoặc góp ý bằng hình thức phát phiếu khảo sát. Tập trung cho ý kiến đối với nội dung của chính sách và nguồn lực dự kiến để đảm bảo thi hành chính sách sau khi được thông qua. Tổng hợp các ý kiến góp ý tại đơn vị gửi đơn vị chủ trì tiếp nhận ý kiến bằng văn bản.

3. Đề nghị Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo cơ quan chuyên môn tổ chức lấy ý kiến các đối tượng chịu sự tác động của chính sách trên địa bàn bằng hình thức phù hợp. Tập trung cho ý kiến đối với nội dung của chính sách và nguồn lực dự kiến để đảm bảo thi hành chính sách tại địa phương sau khi được thông qua. Tổng hợp các ý kiến góp ý tại địa phương gửi đơn vị chủ trì tiếp nhận ý kiến bằng văn bản.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội, Sở Tư pháp, Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Sở Lao động, Thương binh và Xã

hội và các sở, ban, ngành liên quan cho ý kiến đối với đề nghị xây dựng Nghị quyết theo quy định.

5. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch là đơn vị chủ trì tiếp nhận tất cả ý kiến đóng góp của cá nhân, tổ chức, các địa phương, đơn vị và có trách nhiệm tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý.

IV. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

1. Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Tài chính, các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện chính sách trên địa bàn toàn tỉnh. Theo dõi, hướng dẫn các địa phương, đơn vị triển khai thực hiện chính sách, đảm bảo chính sách được thực hiện đúng quy định, đúng đối tượng. Các địa phương, đơn vị tổng hợp, báo cáo những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện trên thực tế để kịp thời tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội giám sát, đánh giá việc thi hành chính sách.

Số: /TTr-SVHTTDL

Bình Phước, ngày tháng năm 2021

DỰ THẢO
(gửi góp ý)

TỜ TRÌNH

Đề nghị xây dựng Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức chi để thực hiện các chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trên địa bàn tỉnh Bình Phước

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh

Thực hiện quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị xây dựng Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức chi để thực hiện các chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trên địa bàn tỉnh Bình Phước, như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

- Trong những năm qua, các chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trên địa bàn tỉnh Bình Phước được quy định tại Nghị quyết số 15/2019/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định về nội dung, mức chi để thực hiện chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao và chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Bình Phước; Quyết định số 41/2012/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định về chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên và chi tiêu tài chính cho các giải thi đấu thể thao do tỉnh Bình Phước tổ chức; Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 25/10/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sửa đổi tiết 2, 3 điểm b, khoản 1, Điều 4 Quyết định số 41/2012/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, một trong những căn cứ pháp lý để xây dựng Nghị quyết số 15/2019/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh là Thông tư số 61/2018/TT-BTC ngày 26/7/2018 của Bộ Tài chính quy định nội dung và mức chi để thực hiện chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao đã được thay thế bởi Thông tư số 86/2020/TT-BTC ngày 26/10/2020 của Bộ Tài chính quy định chi tiết chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên thể thao thành tích cao, vận động viên thể thao thành tích cao. Ngoài ra, các chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trên địa bàn tỉnh được quy định tại Quyết định số 41/2012/QĐ-UBND ngày 28/12/2012, Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 25/10/2016 đã không còn phù hợp và được bãi bỏ theo Quyết định số 20/2021/QĐ-UBND ngày 11/6/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Bên cạnh đó,

Nghị định số 152/2018/NĐ-CP ngày 07/11/2018 của Chính Phủ được ban hành đã quy định một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu.

- Vì vậy, để tiếp tục thực hiện các chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trên địa bàn tỉnh, việc xây dựng Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức chi để thực hiện các chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trên địa bàn tỉnh Bình Phước là cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG VĂN BẢN

1. Mục đích

- Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật quy định mức chi để thực hiện các chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

- Đảm bảo quyền và lợi ích, đảm bảo các chế độ đối với của huấn luyện viên, vận động viên thể thao trên địa bàn tỉnh trong quá trình tập luyện và thi đấu thể dục thể thao, góp phần phát triển sự nghiệp thể dục thể thao tỉnh nhà.

2. Quan điểm

- Quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật đảm bảo đúng quy định, đúng thể thức, căn cứ theo văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương về chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

- Văn bản là căn cứ pháp lý quan trọng để các địa phương, đơn vị trong tỉnh triển khai thực hiện đúng quy định của pháp luật về các chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA VĂN BẢN

1. Phạm vi điều chỉnh: Văn bản quy định mức chi để thực hiện các chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trên địa bàn tỉnh.

2. Đối tượng áp dụng: Áp dụng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trên địa bàn tỉnh.

IV. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CỦA CHÍNH SÁCH, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TRONG ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG VĂN BẢN

1. Chính sách 1: Chế độ tiền lương, tiền hỗ trợ tập huấn, thi đấu đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trên địa bàn tỉnh.

- Mục tiêu của chính sách: Đảm bảo chế độ tiền lương, tiền hỗ trợ tập huấn, thi đấu đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trên địa bàn tỉnh theo quy định. Tạo điều kiện thuận lợi để các địa phương, đơn vị tuyển chọn, triệu tập huấn luyện viên, vận động viên tham gia tập luyện và thi đấu thể dục thể thao, từ đó phát triển sự nghiệp thể dục thể thao tỉnh nhà.

- Nội dung của chính sách: Quy định mức chi để thực hiện chế độ tiền lương, tiền hỗ trợ tập huấn, thi đấu đối với huấn luyện viên, vận động viên trên địa bàn tỉnh.

- Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn và lý do lựa chọn: Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua chính sách. Chính sách được thông qua sẽ đảm bảo quyền và lợi ích của huấn luyện viên, vận động viên, góp phần thúc đẩy sự nghiệp thể dục thể thao tỉnh nhà ngày càng phát triển. Việc áp dụng thực hiện chính sách đảm bảo đúng quy định, đúng đối tượng và có hiệu quả.

2. Chính sách 2: Chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trên địa bàn tỉnh.

- Mục tiêu của chính sách: Đảm bảo chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trên địa bàn tỉnh theo quy định trong quá trình tập luyện và thi đấu thể dục thể thao. Giúp huấn luyện viên, vận động viên duy trì nền tảng thể lực, nguồn năng lượng cần thiết để có thể đáp ứng yêu cầu huấn luyện và thi đấu ngày càng nâng cao.

- Nội dung của chính sách: Quy định mức chi để thực hiện chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên trên địa bàn tỉnh.

- Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn và lý do lựa chọn: Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua chính sách. Chính sách được thông qua sẽ đảm bảo quyền và lợi ích của huấn luyện viên, vận động viên, góp phần thúc đẩy sự nghiệp thể dục thể thao tỉnh nhà ngày càng phát triển. Việc áp dụng thực hiện chính sách đảm bảo đúng quy định, đúng đối tượng và có hiệu quả.

3. Chính sách 3: Chế độ đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao tỉnh Bình Phước.

- Mục tiêu của chính sách: Thu hút và giữ chân huấn luyện viên, vận động viên thể thao tài năng cống hiến cho sự nghiệp phát triển thể dục thể thao tỉnh Bình Phước. Động viên, khích lệ huấn luyện viên, vận động viên đạt thành tích xuất sắc tại các giải thể thao quốc gia, quốc tế. Hạn chế và khắc phục một phần khó khăn đối với huấn luyện viên, vận động viên của tỉnh trong quá trình sinh hoạt và tập luyện thường xuyên.

- Nội dung của chính sách: Quy định nội dung và mức chi để thực hiện các chế độ đặc thù về tiền lương, tiền hỗ trợ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao tài năng của tỉnh và Câu lạc bộ Bóng đá tỉnh Bình Phước; hỗ trợ sinh hoạt phí cho huấn luyện viên, vận động viên ở nội trú.

- Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn và lý do lựa chọn: Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua chính sách. Chính sách được thông qua sẽ góp phần thu hút và giữ chân huấn luyện viên, vận động viên thể thao tài năng cống hiến cho sự nghiệp phát triển thể dục thể thao tỉnh

nhà. Việc áp dụng thực hiện chính sách đảm bảo đúng quy định, đúng đối tượng và có hiệu quả.

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA

1. Nguồn kinh phí thực hiện:

- Từ ngân sách nhà nước của tỉnh, thực hiện theo phân cấp, các địa phương, đơn vị thực hiện chi tự điều tiết, đảm bảo không vượt quá nguồn kinh phí được phân bổ hằng năm.

- Ngoài ra, các địa phương, đơn vị tăng cường công tác vận động nguồn kinh phí xã hội hóa để góp phần đảm bảo các chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao.

2. Các giải pháp triển khai thực hiện chính sách:

- Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các sở, ngành liên quan triển khai thực hiện, phổ biến chính sách đến toàn thể cán bộ công chức, viên chức, huấn luyện viên, vận động viên thể thao trên địa bàn tỉnh sau khi chính sách được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

- Các địa phương, đơn vị bố trí nguồn ngân sách phù hợp để đảm bảo các nội dung của chính sách được triển khai thực hiện đầy đủ, đúng quy định, mang lại hiệu quả thiết thực trên thực tế.

VI. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH THÔNG QUA VĂN BẢN

Văn bản dự kiến trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại kỳ họp cuối năm 2021.

Trên đây là Tờ trình đề nghị xây dựng Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức chi để thực hiện các chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trên địa bàn tỉnh Bình Phước, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch xin kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

(Gửi kèm Báo cáo thực trạng và kết quả thực hiện chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên; Báo cáo đánh giá tác động của chính sách; Đề cương chi tiết dự thảo Nghị quyết; Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến đối với đề nghị xây dựng nghị quyết)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TĐTT (PVP).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Trần Thế Anh

Số: /TTr-UBND

Bình Phước, ngày tháng năm 2021

DỰ THẢO
(gửi góp ý)

TỜ TRÌNH

Đề nghị xây dựng Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức chi để thực hiện các chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trên địa bàn tỉnh Bình Phước

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị xây dựng Nghị quyết Quy định mức chi để thực hiện các chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trên địa bàn tỉnh Bình Phước, như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

- Trong những năm qua, các chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trên địa bàn tỉnh Bình Phước được quy định tại Nghị quyết số 15/2019/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định về nội dung, mức chi để thực hiện chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao và chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Bình Phước; Quyết định số 41/2012/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định về chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên và chi tiêu tài chính cho các giải thi đấu thể thao do tỉnh Bình Phước tổ chức; Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 25/10/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sửa đổi tiết 2, 3 điểm b, khoản 1, Điều 4 Quyết định số 41/2012/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, một trong những căn cứ pháp lý để xây dựng Nghị quyết số 15/2019/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh là Thông tư số 61/2018/TT-BTC ngày 26/7/2018 của Bộ Tài chính quy định nội dung và mức chi để thực hiện chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao đã được thay thế bởi Thông tư số 86/2020/TT-BTC ngày 26/10/2020 của Bộ Tài chính quy định chi tiết chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên thể thao thành tích cao, vận động viên thể thao thành tích cao. Ngoài ra, các chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trên địa bàn tỉnh được quy định tại Quyết định số 41/2012/QĐ-UBND ngày 28/12/2012, Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 25/10/2016 đã không còn phù hợp và được bãi bỏ theo Quyết định số 20/2021/QĐ-UBND ngày 11/6/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Bên cạnh đó, Nghị định số 152/2018/NĐ-CP ngày 07/11/2018 của Chính Phủ được ban hành đã quy định một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu.

- Vì vậy, để tiếp tục thực hiện các chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trên địa bàn tỉnh, việc xây dựng Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức chi để thực hiện các chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trên địa bàn tỉnh Bình Phước là cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG VĂN BẢN

1. Mục đích

- Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật quy định mức chi để thực hiện các chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

- Đảm bảo quyền và lợi ích, đảm bảo các chế độ đối với của huấn luyện viên, vận động viên thể thao trên địa bàn tỉnh trong quá trình tập luyện và thi đấu thể dục thể thao, góp phần phát triển sự nghiệp thể dục thể thao tỉnh nhà.

2. Quan điểm

- Quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật đảm bảo đúng quy định, đúng thể thức, căn cứ theo văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương về chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

- Văn bản là căn cứ pháp lý quan trọng để các địa phương, đơn vị trong tỉnh triển khai thực hiện đúng quy định của pháp luật về các chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA VĂN BẢN

1. Phạm vi điều chỉnh: Văn bản quy định mức chi để thực hiện các chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trên địa bàn tỉnh.

2. Đối tượng áp dụng: Áp dụng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trên địa bàn tỉnh.

IV. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CỦA CHÍNH SÁCH, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TRONG ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG VĂN BẢN

1. Chính sách 1: Chế độ tiền lương, tiền hỗ trợ tập huấn, thi đấu đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trên địa bàn tỉnh.

- Mục tiêu của chính sách: Đảm bảo chế độ tiền lương, tiền hỗ trợ tập huấn, thi đấu đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trên địa bàn tỉnh theo quy định. Tạo điều kiện thuận lợi để các địa phương, đơn vị tuyển chọn, triệu tập huấn luyện viên, vận động viên tham gia tập luyện và thi đấu thể dục thể thao, từ đó phát triển sự nghiệp thể dục thể thao tỉnh nhà.

- Nội dung của chính sách: Quy định mức chi để thực hiện chế độ tiền lương, tiền hỗ trợ tập huấn, thi đấu đối với huấn luyện viên, vận động viên trên địa bàn tỉnh.

- Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn và lý do lựa chọn: Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua chính sách. Chính sách được thông qua sẽ đảm bảo quyền và lợi ích của huấn luyện viên, vận động

viên, góp phần thúc đẩy sự nghiệp thể dục thể thao tỉnh nhà ngày càng phát triển. Việc áp dụng thực hiện chính sách đảm bảo đúng quy định, đúng đối tượng và có hiệu quả.

2. Chính sách 2: Chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trên địa bàn tỉnh.

- Mục tiêu của chính sách: Đảm bảo chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trên địa bàn tỉnh theo quy định trong quá trình tập luyện và thi đấu thể dục thể thao. Giúp huấn luyện viên, vận động viên duy trì nền tảng thể lực, nguồn năng lượng cần thiết để có thể đáp ứng yêu cầu huấn luyện và thi đấu ngày càng nâng cao.

- Nội dung của chính sách: Quy định mức chi để thực hiện chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên trên địa bàn tỉnh.

- Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn và lý do lựa chọn: Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua chính sách. Chính sách được thông qua sẽ đảm bảo quyền và lợi ích của huấn luyện viên, vận động viên, góp phần thúc đẩy sự nghiệp thể dục thể thao tỉnh nhà ngày càng phát triển. Việc áp dụng thực hiện chính sách đảm bảo đúng quy định, đúng đối tượng và có hiệu quả.

3. Chính sách 3: Chế độ đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao tỉnh Bình Phước.

- Mục tiêu của chính sách: Thu hút và giữ chân huấn luyện viên, vận động viên thể thao tài năng cống hiến cho sự nghiệp phát triển thể dục thể thao tỉnh Bình Phước. Động viên, khích lệ huấn luyện viên, vận động viên đạt thành tích xuất sắc tại các giải thể thao quốc gia, quốc tế. Hạn chế và khắc phục một phần khó khăn đối với huấn luyện viên, vận động viên của tỉnh trong quá trình sinh hoạt và tập luyện thường xuyên.

- Nội dung của chính sách: Quy định nội dung và mức chi để thực hiện các chế độ đặc thù về tiền lương, tiền hỗ trợ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao tài năng của tỉnh và Câu lạc bộ Bóng đá tỉnh Bình Phước; hỗ trợ sinh hoạt phí cho huấn luyện viên, vận động viên ở nội trú.

- Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn và lý do lựa chọn: Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua chính sách. Chính sách được thông qua sẽ góp phần thu hút và giữ chân huấn luyện viên, vận động viên thể thao tài năng cống hiến cho sự nghiệp phát triển thể dục thể thao tỉnh nhà. Việc áp dụng thực hiện chính sách đảm bảo đúng quy định, đúng đối tượng và có hiệu quả.

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA

1. Nguồn kinh phí thực hiện:

- Từ ngân sách nhà nước của tỉnh, thực hiện theo phân cấp, các địa phương, đơn vị thực hiện chi tự điều tiết, đảm bảo không vượt quá nguồn kinh phí được phân bổ hằng năm.

- Ngoài ra, các địa phương, đơn vị tăng cường công tác vận động nguồn kinh phí xã hội hóa để góp phần đảm bảo các chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao.

2. Các giải pháp triển khai thực hiện chính sách:

- Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các sở, ngành liên quan triển khai thực hiện, phổ biến chính sách đến toàn thể cán bộ công chức, viên chức, huấn luyện viên, vận động viên thể thao trên địa bàn tỉnh sau khi chính sách được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

- Các địa phương, đơn vị bố trí nguồn ngân sách phù hợp để đảm bảo các nội dung của chính sách được triển khai thực hiện đầy đủ, đúng quy định, mang lại hiệu quả thiết thực trên thực tế.

VI. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH THÔNG QUA VĂN BẢN

Văn bản dự kiến trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại kỳ họp cuối năm 2021.

Trên đây là Tờ trình đề nghị xây dựng Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức chi để thực hiện các chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trên địa bàn tỉnh Bình Phước, Ủy ban nhân dân tỉnh xin kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

(Gửi kèm Báo cáo thực trạng và kết quả thực hiện chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên; Báo cáo đánh giá tác động của chính sách; Đề cương chi tiết dự thảo Nghị quyết; Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến đối với đề nghị xây dựng nghị quyết)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH